

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22-9-2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân
quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham
gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn,
thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLST-
HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-
HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-
HNGĐ ngày 09/7/2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 21/TB-TA
ngày 29 tháng 7 năm 2020; Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 33/TB-TA
ngày 21 tháng 8 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 48/TB-TA ngày
07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều Tr, Sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: K70/142/25 đường B, Tổ 11, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà
Nẵng.

- Bị đơn: Anh Võ Tấn P, Sinh năm: 1980.(vắng mặt)

Địa chỉ: K70/142/25 đường B, Tổ 11, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà
Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1954 (có
đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 272 đường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kiều Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Võ Tấn P quen nhau được 4 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23/02/2007.

Sau khi cưới chúng tôi sống tại nhà ba mẹ tôi được 4 năm thì ra ở riêng. Chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Vào tháng 8/2019 tôi có gửi đơn đến Tòa án một lần nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng cùng đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng tôi là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Võ Tấn P.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là: Võ Tấn Ph1, sinh ngày 06/12/2006; Võ Tấn Ph2, sinh ngày 13/6/2016.

Nếu ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Tấn Ph2; giao cháu Võ Tấn Ph1 cho anh Võ Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, tôi xác nhận vợ chồng tôi có 01 căn nhà tạm xây dựng trên đất của cha tôi là ông Lê Văn T tại tổ 19, Mỹ Đa Tây, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng có giá trị 110.000.000đ. Nếu ly hôn tôi xin nhận nhà và đồng ý nhận theo giá trị bằng tiền là 40.000.000đ; tôi xin thối bằng tiền cho anh P là 70.000.000đ.

Tuy nhiên, hiện nay về vấn đề tài sản chung vợ chồng tôi sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung như nội dung đơn khởi kiện nữa. Và tôi cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn đề ngày 21/02/2020 gửi cho Tòa án.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Võ Tấn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; Các thông báo về việc hoãn phiên tòa; tạm ngừng phiên tòa và mở lại phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh P chỉ có văn bản trình bày gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án. Nội dung trình bày của anh Võ Tấn P như sau:

Tôi và bà Lê Thị Kiều Tr kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 11, phường K. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp.

Nay về tình cảm tôi xác định không cùng chung sống được nữa nên tôi xin Tòa án giải quyết cho tôi thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 02 con chung: Võ Tấn Ph1, sinh ngày 06/12/2006; Võ Tấn Ph2, sinh ngày 13/6/2016.

Ly hôn vợ chồng thỏa thuận mỗi người nuôi dưỡng 1 cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 ngôi nhà cấp 4 tại tổ 11, phường K, quận Ngũ Hành Sơn. Nếu ly hôn, tôi đề nghị chia mỗi người 1 cái nhà. Về ý kiến của bà Tr bà thôi lại cho tôi 70.000.000đ tôi không đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày nội dung sau:**

Theo đơn khởi kiện, con gái tôi là Lê Thị Kiều Tr có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng con tôi là Lê Thị Kiều Tr và Võ Tấn P đó là căn nhà tạm xây dựng trên phần đất của tôi là Lê Văn T tại tổ 19, Mỹ Đa Tây, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng có giá trị 110.000.000đ. Do nhà của vợ chồng con gái tôi xây trên phần đất của tôi nên tôi là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuy nhiên, hiện nay về vấn đề tài sản chung của vợ chồng con gái tôi thì các cháu sẽ tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung như nội dung đơn khởi kiện. Con tôi cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn đề ngày 21/02/2020 gửi cho Tòa án.

Do con tôi không yêu cầu chia phần tài sản chung là nhà được xây dựng trên đất của tôi nên tôi cũng đồng ý để các con tôi tự thỏa thuận giải quyết, tôi đã nhận được thông báo của Tòa án thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Tôi đề nghị Tòa án cứ căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Do điều kiện công việc tôi không thể đến tòa để tham gia tố tụng. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết (hòa giải, đối chất, định giá, xem xét,...) và xét xử vắng mặt tôi trong tất cả các lần được triệu tập.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Võ Tấn P đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị xét xử vắng mặt anh P.

Đối với việc anh P có văn bản trình bày về phần tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án đã có Thông báo cho anh P việc nộp đơn và tiến hành các thủ tục liên quan đến thụ lý yêu cầu phản tố nhưng anh P không thực hiện; hơn nữa chị Tr cũng đã có văn bản rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng nên phù hợp.

Về việc vắng mặt của ông Lê Văn T do bà Tr đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng (có liên quan đến ông T) và ông T cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Tr đối với anh Võ Tấn P:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Võ Tấn P.

Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là cháu Võ Tấn Ph2, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Lê Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Võ Tấn Ph1, sinh ngày 06/12/2006 cho anh Võ Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr, anh P không yêu cầu và mỗi người nuôi một con chung nên các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị Tr xác nhận vợ chồng chị có 01 căn nhà tạm xây dựng trên đất của cha chị là ông Lê Văn T tại tổ 19, Mỹ Đa Tây, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng có giá trị 110.000.000đ. Nếu ly hôn chị xin nhận nhà và đồng ý nhận theo giá trị bằng tiền là 40.000.000đ; chị xin thối bằng tiền cho anh P là 70.000.000đ.

Tuy nhiên, hiện nay về vấn đề tài sản chung vợ chồng chị Tr đã có đơn trình bày vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung như nội dung đơn khởi kiện nữa. Chị Tr cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn đề ngày 21/02/2020 gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu giải quyết về quan hệ chia tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án về vấn đề tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Kiều Tr phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp; hoàn trả tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung của vợ chồng cho chị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Lê Thị Kiều Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung đối với anh Võ Tấn Phi và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Tr là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Võ Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Tấn P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có liên quan đến khối tài sản chung của chị Tr, anh P nhưng chị Tr đã rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng và ông T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

[3] Đối với việc anh P có văn bản trình bày về phần tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án đã có Thông báo cho anh P việc nộp đơn và tiến hành các thủ tục liên quan đến thụ lý yêu cầu phản tố nhưng anh Phi không thực hiện; hơn nữa chị Tr cũng đã có văn bản rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

- Do chị Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tr đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nội dung:

[3] Chị Lê Thị Kiều Tr và anh Võ Tấn P quen nhau được 4 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23/02/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Tr anh P sống tại nhà ba mẹ chị Tr được 4 năm thì ra ở riêng. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Vào tháng 8/2019 chị Tr có gửi đơn đến Tòa án một lần nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng cùng đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị Tr là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Tr xác định chị không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Tấn P.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa để cho anh Võ Tấn P có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh P vẫn không có mặt. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Võ Tấn P.

Mặc dù anh P không đến Tòa án theo triệu tập nhưng anh P cũng đã có văn bản trình bày xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh P xác định vợ chồng không cùng chung sống được nữa nên cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Tr được ly hôn.

[6] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị Tr và anh P đã có mâu thuẫn vợ chồng từ lâu, trước đây chị Tr cũng đã từng gửi đơn xin ly hôn đối với anh P và rút đơn để vợ chồng cùng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, do không thể hàn gắn được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn với anh P và anh P cũng đã có văn bản đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh Võ Tấn P là hợp lý.

[7] Về con chung: Chị Tr xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Võ Tấn Ph1, sinh ngày 06/12/2006; Võ Tấn Ph2, sinh ngày 13/6/2016.

Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị Tr. Vợ chồng ly hôn, theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Tấn Ph2; giao cháu Võ Tấn Ph1 cho anh Võ Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại văn bản trình bày ý kiến của anh P, anh P có nguyện vọng được nuôi 01 con chung; cũng như ý kiến của cháu Ph1 đồng ý ở với ba. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu Ph1 cho anh P; giao cháu Ph2 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con do mỗi người nuôi 1 con chung; chị Tr không có yêu cầu và anh Ph cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị Tr xác nhận vợ chồng chị có 01 căn nhà tạm xây dựng trên đất của cha chị là ông Lê Văn T tại tổ 19, Mỹ Đa Tây, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng có giá trị 110.000.000đ. Nếu ly hôn chị Tr xin nhận nhà và đồng ý nhận theo giá trị bằng tiền là 40.000.000đ; chị Tr xin thôi bằng tiền cho anh P là 70.000.000đ.

Tuy nhiên, hiện nay về vấn đề tài sản chung vợ chồng chị Tr đã có đơn trình bày vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết và chị không yêu cầu Tòa án giải

quyết về tài sản chung như nội dung đơn khởi kiện nữa. Chị Tr cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn đề ngày 21/02/2020 gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu giải quyết về quan hệ chia tài sản chung của vợ chồng nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX quyết định đình chỉ giải quyết vụ án về vấn đề tài sản chung.

Đối với việc anh P có văn bản trình bày về phần tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án đã có Thông báo cho anh P việc nộp đơn và tiến hành các thủ tục liên quan đến thụ lý yêu cầu phản tố nhưng anh P không thực hiện; hơn nữa chị Tr cũng đã có văn bản rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết là phù hợp.

[9] Về nợ chung: Chị Tr và anh P xác nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ chị Tr phải chịu theo quy định pháp luật; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 1.000.000đ cho chị Tr.

[11] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Tr đối với anh Võ Tấn P. Xử cho chị Lê Thị Kiều Tr được ly hôn đối với anh Võ Tấn P; giao con chung cháu Võ Tấn Ph1 cho anh Võ Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Võ Tấn Ph2 cho chị Lê Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi 01 con chung và chị Tr, anh P cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến.

Về quan hệ tài sản chung: Hiện nay chị Tr đã có văn bản rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay chị Tr vẫn giữ nguyên ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án anh P có ý kiến khác về tài sản chung của vợ chồng và Tòa án cũng đã thông báo cho anh P tiến hành các thủ tục liên quan đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng nhưng anh P không thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng; do chị Tr rút một phần đơn khởi kiện về việc đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Về quan hệ nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Kiều Tr phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp; hoàn trả tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung của vợ chồng cho chị Tr.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Tr đối với anh Võ Tấn P về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*”.

I/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Tr đối với anh Võ Tấn P về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

II/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Tr đối với anh Võ Tấn P về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*”.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Võ Tấn P.

2/ Về quan hệ con chung:

- Giao con chung là cháu Võ Tấn Ph1, sinh ngày 06/12/2006 cho anh Võ Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung là cháu Võ Tấn Ph2, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Lê Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Chị Tr đã có đơn rút đơn khởi kiện để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P cũng không có văn bản và không thực hiện các thủ tục phản tố để yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

4/ Về quan hệ nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Kiều Tr phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Tr đã nộp tại biên lai thu số 0009755 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Kiều Tr số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng 1.000.000đ (Một triệu đồng) chị Tr đã nộp tại biên lai thu số 0009755 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

Chị Lê Thị Kiều Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Võ Tấn P, ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy đăng ký kết hôn số 11/2007
Ngày 23/02/2007)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

